

Số: 95 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình”;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại Văn bản số 1505/CV-HOAVIET ngày 15 tháng 5 năm 2023 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh kèm theo Văn bản giải trình số 1211/CV-HV ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH PHT Hoa Việt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-STNMT ngày 21 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH PHT Hoa Việt, địa chỉ tại thôn Lê Tiến, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình - Giai đoạn I” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001074006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 4 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 1001074006.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Lĩnh vực, ngành, nghề đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thành lập Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành lĩnh vực, ngành, nghề đầu tư vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Thống Nhất - giai đoạn I trên khu đất có diện tích 211.080,2 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH PHT Hoa Việt.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

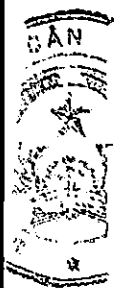
2. Công ty TNHH PHT Hoa Việt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.



2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./ *RL*

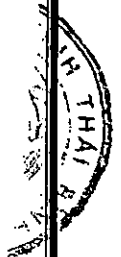
Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Hưng Hà;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty TNHH PHT Hoa Việt;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT *RL*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Thống Nhất đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thống Nhất.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thống Nhất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Kênh 224 tại xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải: Kênh 224.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2279380.3$; $Y(m) = 576941.7$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (giai đoạn 1): $270 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống dẫn đến nguồn tiếp nhận.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A giá trị C (áp dụng hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục/định kỳ
1	Nhiệt độ	oC	40	Quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6 - 9	
3	COD	mg/l	67,5	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45	
5	Amoni	mg/l	4,5	
6	Màu	Pt/Co	50	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27	
8	Asen	mg/l	0,045	
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045	
10	Chì	mg/l	0,09	
11	Cadimi	mg/l	0,045	
12	Crom (VI)	mg/l	0,045	
13	Crom (III)	mg/l	0,18	
14	Đồng	mg/l	1,8	
15	Kẽm	mg/l	2,7	
16	Niken	mg/l	0,18	
17	Mangan	mg/l	0,45	
18	Sắt	mg/l	0,9	
19	Tổng xianua	mg/l	0,063	
20	Tổng phenol	mg/l	0,09	
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	
22	Sunfua	mg/l	0,18	
23	Florua	mg/l	4,5	
24	Tổng nitơ	mg/l	18	
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	3,6	
26	Clorua	mg/l	450	
27	Clo dư	mg/l	0,9	
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000	
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	Quan trắc định kỳ 01 năm/lần
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,7	
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (trương ứng với nguồn số 01) được thu gom, xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn nêu tại Mục 1.5 Phần B Phụ lục này, đầu nối vào hệ thống thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Thống Nhất để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thống Nhất (trương ứng với nguồn số 02): Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 3 m^3 , cùng với nước thải phát sinh từ rửa, thoát sản khu vệ sinh được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Thống Nhất để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng đông keo tụ → Bể lắng sơ cấp → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Kênh 224.

- Công suất thiết kế: $750 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer-Anion, Polymer-Cation, NaOCl, H_2SO_4 , CH_3OH (Methanol).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Camera theo dõi: Lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Phải thực hiện kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Hồ sự cố dung tích chứa 2.509 m^3 . Hồ sự cố được thiết kế đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp chất lượng nước thải vượt quá giới hạn tiếp nhận, sẽ ngừng tiếp nhận và đóng van đầu nối, không xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nối và hệ

thống thu gom Cụm công nghiệp, ngừng cung cấp nước sạch.

- Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, sẽ thực hiện đóng van xả nước thải ra kênh 224, đồng thời mở van dẫn nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn về bể gom để xử lý.

- Trường hợp tạm dừng để duy tu, bảo trì, nước thải để đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải được đưa về bể gom nước thải để xử lý.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thống Nhất

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	100
5	COD	mg/l	225
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nito	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thống Nhất.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại bể gom của Trạm xử lý nước thải; nước thải sau xử lý tại cửa xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra trong 03 ngày liên tiếp (01 lần/ngày) trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp; phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường; lắp đặt công tơ điện độc lập cho hệ thống xử lý nước thải tập trung; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận

lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình, bảo đảm thời gian hoàn thành chậm nhất trước 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo quy định pháp luật.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X(m) = 2279433.5; Y(m) = 576801.4.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X(m) = 2279413.7; Y(m) = 576860.9.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	24
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	60
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp (*)	11.970
4	Hộp mực in thải	120
5	Pin thải	36
6	Ắc quy chì thải	
7	Giẻ lau dính dầu thải	36
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	84
12.330		

(*) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp được lấy mẫu, phân tích xác định tính nguy hại để quản lý theo quy định.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa không dính chất thải nguy hại	50
2	Thiết bị hư hỏng không có tính nguy hại	30
3	Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa	52.452
Tổng khối lượng		52.532

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3,6
Tổng		3,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:
 - + Diện tích 19,04 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu khung thép, tường gạch, nền bê tông, mái che kín, có cửa ra vào.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Riêng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom, lưu chứa vào các bao bì mềm, lưu giữ tại khu vực có diện tích 10 m² trong nhà đặt máy ép bùn diện tích 19,56 m² có tường bao, có mái che, nền lát xi măng chống thấm, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ; bố trí 02 thùng chứa đặt cạnh nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải để lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý; không thực hiện lưu giữ tại dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy đặt tại các điểm phát sinh.
- Khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ; chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng chứa đặt tại các khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công

nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường tương ứng với việc triển khai thực hiện giai đoạn 2 của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình", gồm: Đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Sau khi hoàn thành việc đầu tư, trước khi đưa công trình vào vận hành, chủ dự án đầu tư phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.